

Số: /2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 1

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh, cụ thể các kỳ thi, cuộc thi, hội thi như sau:

a. Các kỳ thi: chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tuyển sinh đầu cấp; tốt nghiệp trung học phổ thông.

b. Các cuộc thi, hội thi: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; Thi khoa học kỹ thuật; Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông; Thi văn nghệ; Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật; Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; Thi cán bộ quản lý giỏi; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; Các cuộc khảo sát, đánh giá; Hội thi Bé khỏe, đẹp, tài năng; Hội thi Giáo viên tài năng, duyên dáng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh

1. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi: chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có): mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là NQ 33/2017/NQ-HĐND)

3. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh:

a. Đối với các kỳ thi: áp dụng mức chi quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b. Đối với các cuộc thi, hội thi: áp dụng mức chi quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Chi tiền ăn cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly

a. Tiền ăn trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách: Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND.

b. Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách): Mức chi thực hiện theo quy định tại NQ 33/2017/NQ-HĐND.

5. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

6. Mức chi tại Nghị quyết này là mức chi tối đa quy định đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh; cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường THPT bằng 60% cấp tỉnh; cấp trường THCS, TH, MN bằng 50% cấp tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm giao cho đơn vị theo phân cấp ngân sách.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, nguồn vốn xã hội hoá, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá, Kỳ họp thứ ...thông qua ngàythángnăm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT.HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Các kỳ thi		
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia	Thi Tuyển sinh đầu cấp	Thi THPT Quốc Gia
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi				
	- Chủ tịch	Người/ngày	340	340	
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	310	310	
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	270	270	
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	230	230	
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	220	220	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	275	275	
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	210	210	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200	200	
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban in sao				
	- Trưởng ban	Người/ngày	290	290	290
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	250	250	250
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	240	240	240
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	220	220	220
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210	210	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	210	210	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200	200	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	115	115	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi				
- Trưởng ban	Người/ngày	260	260	260	
- Phó trưởng ban	Người/ngày	240	240	240	
- Ủy viên, công an	Người/ngày	205	205	205	
- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	110	110	110	
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo				
	- Trưởng ban	Người/ngày		300	300
	- Phó trưởng ban	Người/ngày		280	280
	- Ủy viên	Người/ngày		245	245
	- Thư ký	Người/ngày		235	235
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		160	160

STT	Nội dung chi	ĐVT	Các kỳ thi		
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia	Thi Tuyển sinh đầu cấp	Thi THPT Quốc Gia
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi				
	- Chủ tịch	Người/ngày			280
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày			250
	- Ủy viên	Người/ngày			240
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban thư ký Hội đồng thi				
	- Trưởng ban	Người/ngày			240
	- Phó trưởng ban	Người/ngày			225
	- Ủy viên	Người/ngày			205
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban coi thi				
	- Trưởng ban, Trưởng điểm thi	Người/ngày	260	260	260
	- Phó trưởng ban, Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	245	245	245
	- Thư ký	Người/ngày	230	230	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	210	210	210
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	110	110	110
7	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban/Tổ làm phách				
	- Trưởng ban	Người/ngày	260	260	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240	240	240
	- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	220	220	220
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	210	210	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200	200	200
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	110	110	110
8	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi				
	- Trưởng ban	Người/ngày	290	290	290
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	270	270	270
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	245	245	245
	- Thư ký	Người/ngày	230	230	230
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	240	240	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm	Người/đợt	200	200	200
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	340	340	340
	- Công an	Người/ngày	200	200	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	115	115	115

STT	Nội dung chi	ĐVT	Các kỳ thi		
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia	Thi Tuyển sinh đầu cấp	Thi THPT Quốc Gia
9	Chi ăn cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly				
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	225	225	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	150	150

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC CUỘC THI, HỘI THI

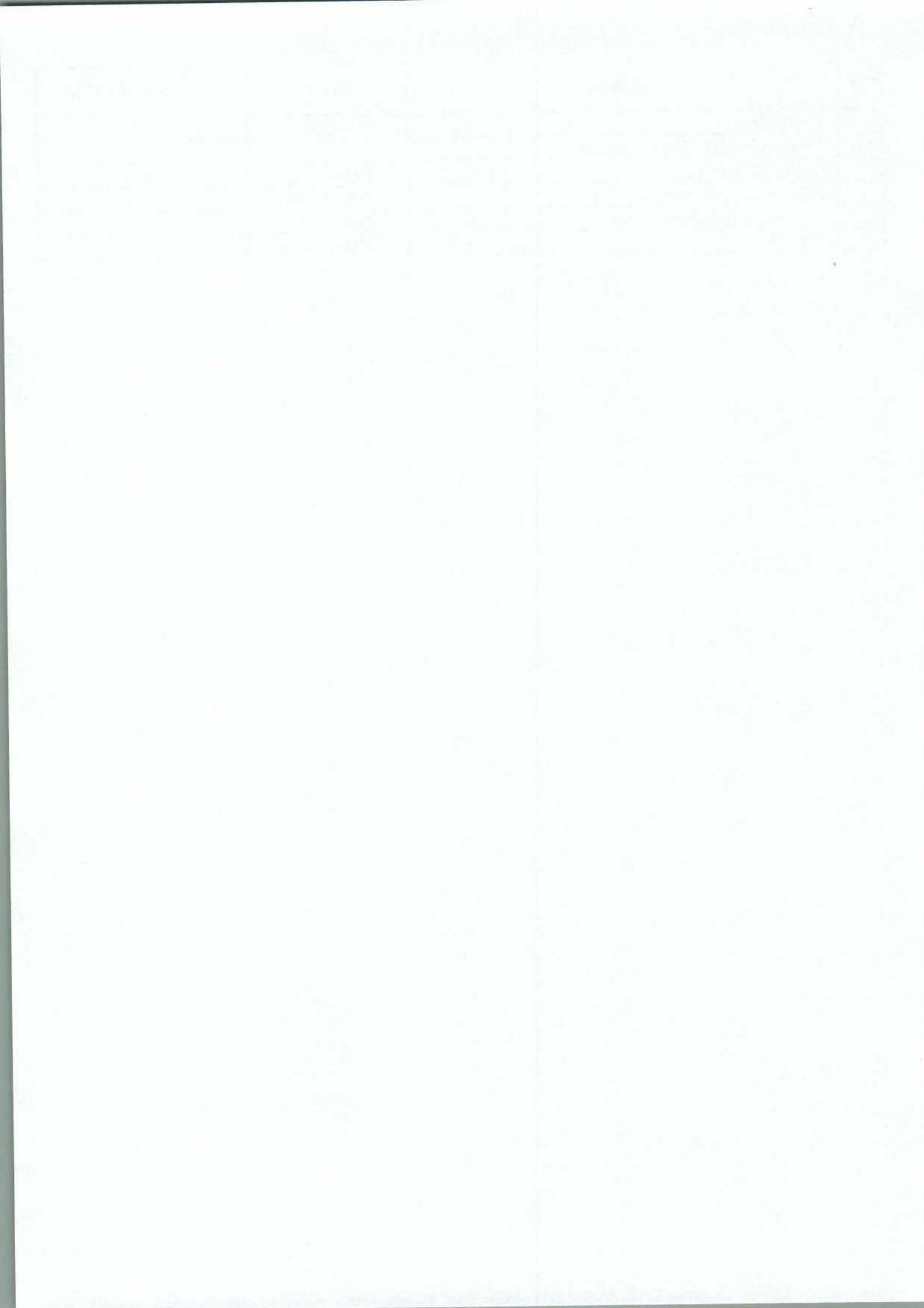
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)
I	Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi		
1	Chăm bản báo cáo biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hồ sơ dự thi (chi phí của cả hội đồng)	Biện pháp	60
2	Tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Thành viên	Người/ngày	200
3	Tiền công Ban giám khảo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Trưởng tiêu ban	Người/ngày	220
	- Thành viên	Người/ngày	200
	- Phục vụ	Người/ngày	110
II	Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh		
1	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	270
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	230
	- Phục vụ	Người/ngày	110
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành
2	Tổ giám sát		
	- Tổ trưởng	Người/ngày	250
	- Thành viên	Người/ngày	230
III	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông		
1	Tiền công Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	230
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	220
	- Thư ký	Người/ngày	210
	- Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành	Người/ngày	200
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	110
2	Tiền công Hội đồng coi thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	190
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	170
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi	Người/ngày	150
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	110
3	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	210
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	190

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)
	- Thư ký	Người/ngày	170
	- Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Người/ngày	170
IV	Thi văn nghệ cấp tỉnh		
1	Tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Người/ngày	250
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	220
	- Thành viên	Người/ngày	190
2	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	250
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	220
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	190
	- Phục vụ	Người/ngày	90
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành
V	Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá.		
1	Chăm bản báo cáo sáng kiến kinh nghiệm (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến	40
2	Tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Người/ngày	210
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	190
	- Thành viên	Người/ngày	160
3	Tiền công Ban thư ký		
	- Trưởng ban	Người/ngày	190
	- Thành viên	Người/ngày	170
3	Tiền công Ban ra đề		
	- Trưởng ban	Người/ngày	210
	- Thành viên	Người/ngày	190
	- Phục vụ	Người/ngày	90
4	Tiền công Ban giám khảo, Ban chấm thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	200
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	180
	- Trưởng tiểu ban	Người/ngày	160
	- Thành viên	Người/ngày	150
	- Phục vụ	Người/ngày	90
5	Chăm bài khảo sát, đánh giá (định mức này chi cho cán bộ chấm)	Bài	13
VI	Hội thi Bé khỏe, đẹp, tài năng. Hội thi Giáo viên tài năng, duyên dáng		
1	Chi tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Người/ngày	210
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	190

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)
	- Thành viên	Người/ngày	160
2	Chi tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	200
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	180
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	160
	- Phục vụ	Người/ngày	90



Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 03 năm 2022

DỰ THẢO 1

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các căn cứ pháp lý

- Khoản 1 Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”. Tại Điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (Thông tư số 69), quy định “Các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi quốc gia.

- Tại Mục 4 Điều 9 của Thông tư số 69 “Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động ngành giáo dục đào tạo. Năm 2012, Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi

Olympic quốc tế; theo đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính trong việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, xét tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; đến nay đã có nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế, nhất là chế độ thù lao cho cán bộ thấp, một số nhiệm vụ chưa có định mức chi trong quyết định...dẫn đến khó khăn khi tổ chức thực hiện.

Nguyên nhân: Văn bản ban hành từ năm 2017, trong khi mức lương cơ sở và giá cả hàng hoá thị trường có nhiều thay đổi, do vậy mức chi thù lao cho cán bộ làm thi không phù hợp. Mặt khác, quy chế điều lệ tính chất một số cuộc thi, kỳ thi thay đổi, đối tượng làm thi có bổ sung; có những cuộc thi, hội thi theo quy định mới của Bộ GD&ĐT nhưng chưa được quy định định mức cụ thể.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để các cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung, mức chi trong tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương theo phân cấp quản lý.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Nội dung Nghị quyết không trái với các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên; đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC; phù hợp với nguồn lực, thực tiễn của địa phương.

Về trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối các cơ sở giáo dục, các cơ quan đơn vị trường học có tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định nội dung, mức chi của kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

1.1. Mục tiêu của chính sách

Quy định nội dung, mức chi trong tổ chức các kỳ thi thuộc lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương theo phân cấp quản lý, làm cơ sở xây dựng dự toán thu chi, xây dựng giá dịch vụ tuyển sinh của các cơ sở giáo dục.

1.2. Nội dung của chính sách

Quy định nội dung chi, mức chi cho công tác đề thi, tổ chức thi và chấm thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Mức chi tối đa quy định đối với kỳ thi cấp tỉnh; cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường THPT bằng 60% cấp tỉnh; cấp trường THCS, TH, MN bằng 50% cấp tỉnh.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Nguồn kinh phí: do Ngân sách sự nghiệp giáo dục hàng năm giao cho đơn vị, nguồn thu giá dịch vụ tuyển sinh

- Lý do đề xuất: Để thực hiện chế độ thu chi của các kỳ thi, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017, theo đó hàng năm ngân sách nhà nước đã chi cho kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; từ nguồn thu giá dịch vụ tuyển sinh để chi cho kỳ thi tuyển sinh đầu cấp. Đến giai đoạn này, mức chi điều chỉnh tăng thêm từ 7% đến 10% tùy từng chức danh so với năm 2017 để đảm bảo phù hợp với chế độ tiền lương và nguồn ngân sách nhà nước giao đủ điều kiện đáp ứng.

(Chi tiết nội dung, mức chi các kỳ thi theo phụ lục 1)

2. Chính sách 2: Quy định nội dung, mức chi của các cuộc thi, hội thi bao gồm: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh; Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông; Thi văn nghệ cấp tỉnh; Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật: Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; Thi cán bộ quản lý giỏi; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; Các cuộc khảo sát, đánh giá; Hội thi Bé khỏe, đẹp, tài năng; Hội thi Giáo viên tài năng, duyên dáng.

2.1. Mục tiêu của chính sách

Quy định nội dung, mức chi trong tổ chức các cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương theo phân cấp quản lý, làm cơ sở xây dựng dự toán thu chi, xây dựng giá dịch vụ tuyển sinh của các cơ sở giáo dục

2.2. Nội dung của chính sách

Quy định nội dung chi, mức chi cho công tác đề thi, tổ chức thi và chấm thi các cuộc thi, hội thi bao gồm: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh; Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông; Thi văn nghệ

cấp tỉnh; Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật: Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; Thi cán bộ quản lý giỏi; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; Các cuộc khảo sát, đánh giá; Hội thi Bé khỏe, đẹp, tài năng; Hội thi Giáo viên tài năng, chuyên dáng. Mức chi tối đa quy định đối với kỳ thi cấp tỉnh; cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường THPT bằng 60% cấp tỉnh; cấp trường THCS, TH, MN bằng 50% cấp tỉnh.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Nguồn kinh phí do Ngân sách sự nghiệp giáo dục hàng năm giao cho đơn vị.
- Lý do đề xuất: Để thực hiện chế độ thu chi của các cuộc thi, hội thi, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017, theo đó hàng năm ngân sách nhà nước đã chi cho các cuộc thi, tuy nhiên có một số nội dung chưa được quy định cụ thể và mức chi chưa phù hợp. Đến giai đoạn này, mức chi điều chỉnh tăng thêm từ 7% đến 10% tùy từng chức danh so với năm 2017 để đảm bảo phù hợp với chế độ tiền lương và nguồn ngân sách nhà nước giao đủ điều kiện đáp ứng.

(Chi tiết nội dung, mức chi các cuộc thi, hội thi theo phụ lục 2)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN

Dự kiến kinh phí thực hiện Nghị quyết như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Chi phí	Nguồn kinh phí
Chính sách 1		
Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hoá	232	Ngân sách nhà nước giao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo
Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	1.120	Nguồn thu giá dịch vụ tuyển sinh
Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1.040	Ngân sách nhà nước giao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo
Chính sách 2		
Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi	560	Ngân sách nhà nước giao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo
Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh	90	Ngân sách nhà nước giao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo
Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá.	400	Ngân sách nhà nước giao trong sự nghiệp giáo dục đào tạo
Tổng số	3.442	

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Dự kiến trình kỳ họp HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết vào tháng 7 năm 2022.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh “Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Các tài liệu có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TPKT, KGVX, TH;
 - + Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi									Cách tính
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia			Thi TS đầu cấp			Thi THPT Quốc Gia			
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	240	260	8	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	225	240	7	225	240	7	
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	190	205	8	190	205	8	190	205	8	
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	100	110	10	100	110	10	100	110	10	
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo											
	- Trưởng ban	Người/ngày				280	300	7	280	300	7	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày				260	280	8	260	280	8	
	- Ủy viên	Người/ngày				220	245	10	220	245	10	
	- Thư ký	Người/ngày				220	235	7	220	235	7	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày					160			160		
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi											
	- Chủ tịch	Người/ngày							260	280	8	
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày							220	250	14	
	- Ủy viên	Người/ngày							220	240	9	
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban thư ký Hội đồng thi											
	- Trưởng ban	Người/ngày							220	240	9	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày							210	225	7	
	- Ủy viên	Người/ngày							190	205	8	
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban coi thi											
	- Trưởng ban, Trưởng điểm thi	Người/ngày	240	260	8	240	260	8	240	260	8	
	- Phó trưởng ban, Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	225	245	9	225	245	9	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	210	230	10	210	230	10	
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	190	210	10	190	210	10	190	210	10	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi									Cách tính
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia			Thi TS đầu cấp			Thi THPT Quốc Gia			
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	100	110	10	100	110	10	100	110	10	
7	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban/Tổ làm phách											
	- Trưởng ban	Người/ngày	240	260	8	240	260	8	240	260	8	
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225	240	7	225	240	7	225	240	7	
	- Thư ký, uỷ viên	Người/ngày	190	220	10	190	220	10	190	220	10	
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	190	210	10	190	210	10	190	210	10	
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	190	200	5	190	200	5	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày		110			110			110		
8	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi											
	- Trưởng ban	Người/ngày	270	290	7	270	290	7	270	290	7	
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	250	270	8	250	270	8	250	270	8	
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	225	245	9	225	245	9	225	245	9	
	- Thư ký	Người/ngày	210	230	10	210	230	10	210	230	10	
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	26.000 đồng/b ài	240		13.000 đồng/b ài	240		14.000 đồng/b ài	240		
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm	Người/đợt		200			200			200		
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	315	340	8	315	340	8	315	340	8	
	- Công an	Người/ngày	190	200	5	190	200	5	190	200	5	
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	105	115	10	105	115	10	105	115	10	

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi									Cách tính
			Thi HSG cấp tỉnh, cấp Quốc gia			Thi TS đầu cấp			Thi THPT Quốc Gia			
			Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	Mức cũ	Mức mới	Tỷ lệ tăng (%)	
9	Chi ăn cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly											NQ 33/2017/NQ-HĐND. Điều 2 mục 3. 150.000đồng/ngày. Thông tư 69 quy định tại Điều 8, mục 5 trong thời gian thực tế ra đề in sao đề mức chi 150% mức chi Thông tư 40. Thời gian chờ thi xong thực hiện theo Thông tư 40. (HĐND tỉnh quy định tại NQ 33)
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	225	50	150	225	50	150	225	50	
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150	150		150	150		150	150		

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC CUỘC THI, HỘI THI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Mức cũ		Mức mới		Tỷ lệ % tăng so với QĐ 12
		ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	
I	Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi					
1	Chăm bản báo cáo biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hồ sơ dự thi (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến	40	Biện pháp	60	50
2	Tiền công Ban tổ chức					
	- Trưởng ban			Người/ngày	260	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	240	
	- Thành viên			Người/ngày	200	
3	Tiền công Ban giám khảo					
	- Trưởng ban			Người/ngày	260	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	240	
	- Trưởng tiểu ban			Người/ngày	220	
	- Thành viên			Người/ngày	200	
	- Phục vụ			Người/ngày	110	
II	Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh					
1	Tiền công Hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	270	Người/ngày	290	7
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	250	Người/ngày	270	8
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	210	Người/ngày	230	10
	- Phục vụ	Người/ngày	100	Người/ngày	110	10
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài		Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành	
2	Tổ giám sát					
	- Tổ trưởng			Người/ngày	250	
	- Thành viên			Người/ngày	230	
III	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông					
1	Tiền công Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi					
	- Chủ tịch			Người/ngày	230	
	- Phó chủ tịch			Người/ngày	220	
	- Thư ký			Người/ngày	210	
	- Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành			Người/ngày	200	
	- Bảo vệ, phục vụ			Người/ngày	110	
2	Tiền công Hội đồng coi thi					
	- Chủ tịch	Người/ngày	110	Người/ngày	190	73
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	100	Người/ngày	170	70
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi	Người/ngày	90	Người/ngày	150	67
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	60	Người/ngày	110	83
3	Tiền công Hội đồng chấm thi					

STT	Nội dung chi	Mức cũ		Mức mới		Tỷ lệ % tăng so với QĐ 12
		ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	
	- Chủ tịch			Người/ngày	210	
	- Phó chủ tịch			Người/ngày	190	
	- Thư ký			Người/ngày	170	
	- Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Bài	6	Người/ngày	170	
IV	Thi văn nghệ cấp tỉnh					
1	Tiền công Ban tổ chức					
	- Trưởng ban			Người/ngày	250	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	220	
	- Thành viên			Người/ngày	190	
2	Tiền công Hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	250	Người/ngày	250	0
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	220	Người/ngày	220	0
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	190	Người/ngày	190	0
	- Phục vụ	Người/ngày	90	Người/ngày	90	0
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành	Người/ngày	Theo mức bồi dưỡng mời chuyên gia, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành	
V	Các cuộc thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá.					
1	Chấm bản báo cáo sáng kiến kinh nghiệm (chi phí của cả hội đồng)			Sáng kiến	40	
2	Tiền công Ban tổ chức					
	- Trưởng ban			Người/ngày	210	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	190	
	- Thành viên			Người/ngày	160	
3	Tiền công Ban thư ký					
	- Trưởng ban			Người/ngày	190	
	- Thành viên			Người/ngày	170	
3	Tiền công Ban ra đề					
	- Trưởng ban			Người/ngày	210	
	- Thành viên			Người/ngày	190	
	- Phục vụ			Người/ngày	90	
4	Tiền công Ban giám khảo, Ban chấm thi					
	- Trưởng ban			Người/ngày	200	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	180	
	- Trưởng tiểu ban			Người/ngày	160	
	- Thành viên			Người/ngày	150	
	- Phục vụ			Người/ngày	90	
5	Chấm bài khảo sát, đánh giá (định mức này chi cho cán bộ chấm)			Bài	13	

STT	Nội dung chi	Mức cũ		Mức mới		Tỷ lệ % tăng so với QĐ 12
		ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	ĐVT	Mức chi (nghìn đồng)	
VI	Hội thi Bé khỏe, đẹp, tài năng. Hội thi Giáo viên tài năng, duyên dáng					
1	Chi tiền công Ban tổ chức					
	- Trưởng ban			Người/ngày	210	
	- Phó trưởng ban			Người/ngày	190	
	- Thành viên			Người/ngày	160	
2	Chi tiền công Hội đồng chấm thi					
	- Chủ tịch Hội đồng			Người/ngày	200	
	- Phó chủ tịch Hội đồng			Người/ngày	180	
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo			Người/ngày	160	
	- Phục vụ			Người/ngày	90	